|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** \_\_\_\_\_  Số:  /2021/NĐ-CP  **DỰ THẢO**  **15.3.2021** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô (trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức thuộc một trong các đối tượng sau đây:

a) Các cơ quan: Đảng, Quốc hội và Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ; các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, hội đồng nhân dân các cấp;

b) Các cơ quan ngoại giao, các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ có trụ sở tại Việt Nam;

c) Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và đoàn thể ở Trung ương và địa phương;

d) Các đơn vị sử dụng xe cứu hỏa, cứu thương.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị vận tải nội bộ bao gồm tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải người, hàng hoá nội bộ bằng xe ô tô.

2. Hoạt động vận tải người nội bộ bằng xe ô tô là hoạt động vận tải không kinh doanh do tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô chở người có sức chứa từ 9 người trở lên (bao gồm cả người lái xe) để vận chuyển cán bộ công nhân viên, người lao động hoặc học sinh, sinh viên của cơ quan, tổ chức đó.

3. Hoạt động vận tải hàng hoá nội bộ bằng xe ô tô là hoạt động không kinh doanh vận tải do tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô tải (trừ xe pick up và xe tải van có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham giao giao thông dưới 950kg), xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô kéo rơ mooc, xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ mooc để vận chuyển sản phẩm, hàng hóa do tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất hoặc trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu, nhiên liệu, các động sản khác để phục vụ quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ của đơn vị mà chi phí vận tải tính vào giá thành sản phẩm hoặc dịch vụ đó.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI NGƯỜI NỘI BỘ BẰNG XE Ô TÔ**

**Điều 4. Quy định đối với xe ô tô vận tải người nội bộ**

1. Phải được niêm yết (dán cố định) cụm từ “XE NỘI BỘ” làm bằng vật liệu phản quang trên kính phía trước và kính phía sau xe, kích thước tối thiểu của cụm từ “XE NỘI BỘ” là 10 x 35 cm.

2. Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị vận tải nội bộ với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

3. Phải đảm bảo chất lượng và cách bố trí ghế ngồi trong xe đúng theo thiết kế của xe.

4. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2022, phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và gắn phù hiệu “XE NỘI BỘ”.

**Điều 5. Quy định đối với đơn vị vận tải người nội bộ**

1. Theo dõi, giám sát hoạt động của lái xe và phương tiện trong suốt quá trình hoạt động vận tải nội bộ; thực hiện chế độ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện đúng quy định; kiểm tra điều kiện an toàn giao thông của xe và lái xe ô tô trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển; kiểm tra, giám sát hoạt động của xe ô tô và người lái xe trên hành trình.

2. Đảm bảo quy định về thời gian lái xe liên tục, thời gian làm việc trong ngày, thời gian nghỉ của người lái xe. Cấp thẻ nhận dạng lái xe cho lái xe của đơn vị theo quy định.

3. Xây dựng quy định về kiểm tra, giám sát để bảo đảm không còn người ở trên xe khi kết thúc hành trình.

4. Lập Hồ sơ lý lịch phương tiện để ghi chép, theo dõi quá trình hoạt động và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện theo quy định.

5. Chỉ được sử dụng xe để vận chuyển cán bộ, công nhân viên, người lao động hoặc học sinh, sinh viên của đơn vị mình.

6. Không được sử dụng xe có phù hiệu “XE NỘI BỘ” để kinh doanh vận tải hoặc cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào thuê, mượn để kinh doanh dưới mọi hình thức.

7. Không sử dụng xe ô tô chở người có giường nằm hai tầng để hoạt động trên các tuyến đường cấp V, VI miền núi.

8. Không được sử dụng người lái xe đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật; không sử dụng lái xe có dưới 02 năm kinh nghiệm xe giường nằm hai tầng. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lái xe và sử dụng người lái xe đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

9. Thực hiện lắp thiết bị giám sát hành trình trên xe theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị định này và các quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

10. Cung cấp tài khoản truy cập vào hệ thống dữ liệu thiết bị giám sát hành trình của đơn vị cho cơ quan Công an (Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương), ngành giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải) để phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Quy định đối với người lái xe ô tô vận tải người nội bộ**

1. Có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe, hướng dẫn cho người ngồi trên xe về an toàn giao thông và thoát hiểm khi gặp sự cố, yêu cầu người ngồi trên xe thắt dây an toàn trước khi cho xe khởi hành; kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý bảo đảm an toàn.

2. Thực hiện quy định về thời gian lái xe liên tục, thời gian làm việc trong ngày, thời gian nghỉ theo quy định.

3. Thực hiện các quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

4. Không được thực hiện các nội dung sau:

a) Chở người trên mui, trong khoang chở hành lý hoặc để người đu, bám bên ngoài xe;

b) Chở hàng nguy hiểm, hàng cấm lưu hành, hàng lậu, động thực vật hoang dã;

c) Chở người, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải, quá số người theo quy định;

d) Điều khiển xe ô tô chở người có giường nằm hai tầng để hoạt động trên các tuyến đường cấp V, VI miền núi;

đ) Điều khiển xe có phù hiệu “XE NỘI BỘ” để kinh doanh vận tải hoặc cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào thuê, mượn để kinh doanh dưới mọi hình thức.

5. Từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, không có hoặc không có đủ dây an toàn trên xe; phương tiện không có thiết bị giám sát hành trình hoặc có lắp nhưng thiết bị không hoạt động.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNG HOÁ NỘI BỘ BẰNG XE Ô TÔ**

**Điều 7. Quy định đối với xe ô tô vận tải hàng hoá nội bộ**

1. Phải được niêm yết (dán cố định) cụm từ “XE NỘI BỘ” làm bằng vật liệu phản quang trên kính phía trước, kích thước tối thiểu của cụm từ “XE NỘI BỘ” là 10 x 35 cm.

2. Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị vận tải nội bộ với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

3. Xe ô tô vận tải hàng hóa phải đảm bảo chất lượng và kích thước thùng xe đúng theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4. Lộ trình lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và gắn phù hiệu “XE NỘI BỘ” áp dụng đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này:

a) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2022, đối với đơn vị vận tải sử dụng xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe ô tô chuyên dùng và xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 10 tấn trở lên;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, đối với đơn vị vận tải sử dụng xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông dưới 10 tấn.

**Điều 8. Quy định đối với đơn vị vận tải hàng hoá nội bộ**

1. Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 10 Điều 5 của Nghị định này.

2. Chỉ được sử dụng xe để vận chuyển hàng hoá là sản phẩm, hàng hóa do cơ quan, tổ chức thực hiện sản xuất hoặc vận chuyển trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu, nhiên liệu, các động sản khác phục vụ cho hoạt động của đơn vị mình.

3. Không được sử dụng xe có phù hiệu “XE NỘI BỘ” để kinh doanh vận tải hoặc cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào thuê, mượn để kinh doanh dưới mọi hình thức.

4. Không được sử dụng người lái xe đang trong thời gian bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lái xe và sử dụng người lái xe đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Chịu trách nhiệm việc xếp hàng hóa lên xe ô tô theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

6. Phải cấp cho lái xe Giấy vận tải trước khi vận chuyển hàng hóa trên đường. Giấy vận tải phải có các thông tin tối thiểu gồm: Tên đơn vị vận tải nội bộ; biển kiểm soát xe; hành trình vận chuyển (điểm đầu, điểm cuối); loại hàng và khối lượng hàng vận chuyển trên xe.

7. Thực hiện lắp thiết bị giám sát hành trình trên xe theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định này và các quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**Điều 9. Quy định đối với người lái xe ô tô vận tải hàng hoá nội bộ**

1. Có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi cho xe khởi hành; kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hàng hoá xếp trên xe bảo đảm an toàn theo quy định.

2. Khi vận chuyển hàng hóa, lái xe phải mang theo Giấy vận tải và các giấy tờ của lái xe và phương tiện theo quy định của pháp luật. Trước khi thực hiện vận chuyển hàng hóa, lái xe có trách nhiệm yêu cầu người chịu trách nhiệm xếp hàng hóa lên xe ký xác nhận việc xếp hàng vào Giấy vận tải và có trách nhiệm từ chối vận chuyển nếu việc xếp hàng không đúng quy định của pháp luật.

3. Thực hiện quy định về thời gian lái xe liên tục, thời gian làm việc trong ngày, thời gian nghỉ theo quy định.

4. Thực hiện các quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

5. Không được thực hiện các nội dung sau:

a) Chở hàng hàng cấm lưu hành, hàng lậu, động thực vật hoang dã;

b) Chở hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép tham gia giao thông theo quy định của pháp luật;

c) Điều khiển xe có phù hiệu “XE NỘI BỘ” để kinh doanh vận tải hoặc cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào thuê, mượn để kinh doanh dưới mọi hình thức.

6. Lái xe có trách nhiệm từ chối điều khiển phương tiện khi phát hiện phương tiện không đảm bảo các điều kiện về an toàn, phương tiện không có thiết bị giám sát hành trình hoặc có lắp thiết bị nhưng không hoạt động.

**Chương IV**

**QUY ĐỊNH VỀ CẤP, CẤP LẠI VÀ THU HỒI PHÙ HIỆU XE NỘI BỘ**

**Điều 10. Quy định về cấp, cấp lại và thu hồi phù hiệu**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng xe ô tô thuộc một trong các đối tượng sau đây phải thực hiện cấp phù hiệu “XE NỘI BỘ” gồm:

a) Xe ô tô chở người có sức chứa từ 9 chỗ trở lên (bao gồm cả người lái xe);

b) Xe ô tô kéo rơ moóc, xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, xe ô tô chuyên dùng;

c) Xe ô tô tải thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã. Xe ô tô tải có khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông từ 3.500kg trở lên của cá nhân, hộ gia đình.

d) Xe ô tô thuộc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dưới 51%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên 51% có hoạt động vận tải trước ngày 01 tháng 12 năm 2014 để phục vụ sản xuất, kinh doanh của chính doanh nghiệp.

2. Phù hiệu cấp cho xe ô tô vận tải nội bộ có giá trị 07 năm hoặc theo đề nghị của đơn vị vận tải nội bộ (thời gian đề nghị trong khoảng từ 01 năm đến 07 năm) và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.

3. Kích thước tối thiểu của các loại phù hiệu là 9 x 10 cm.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu phải đảm bảo đủ các thành phần như sau:

a) Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Nghị định này;

b) Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã.

5. Trình tự, thủ tục cấp phù hiệu

a) Đơn vị vận tải nội bộ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp nếu cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo ngay sau khi tiếp nhận.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Cơ quan cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

c) Cơ quan cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

d) Cơ quan cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

6. Phù hiệu được cấp lại khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị vận tải. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp lại phù hiệu thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này. Thời hạn của phù hiệu được cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cấp lại phù hiệu khi hết hạn, đơn vị vận tải được đề nghị cấp lại phù hiệu trong khoảng thời gian 15 ngày tính đến ngày hết hạn phù hiệu.

7. Khi hết thời hạn bị tước quyền sử dụng, đơn vị vận tải có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện tham gia hoạt động vận tải thì phải làm thủ tục để được cấp phù hiệu theo quy định. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp lại phù hiệu thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

8. Đơn vị vận tải nội bộ bịthu hồi phù hiệu đối với các xe ô tô khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của mỗi xe trong thời gian 01 tháng có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống).

9. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Thực hiện cấp, cấp lại phù hiệu theo quy định tại Điều này và dán phù hiệu lên xe ô tô;

b) Ban hành quyết định và thu hồi phù hiệu do cơ quan mình cấp theo quy định tại khoản 8 Điều này. Gửi cho đơn vị vận tải nội bộ Quyết định thu hồi phù hiệu, văn bản thông báo về việc phù hiệu hết giá trị sử dụng khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc tước quyền sử dụng phù hiệu và đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải;

c) Không thực hiện cấp phù hiệu cho xe ô tô trong thời gian xe ô tô đó bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng phù hiệu.

10. Đơn vị vận tải nội bộ có trách nhiệm:

a) Phải nộp lại phù hiệu cho Sở Giao thông vận tải khi nhận được quyết định thu hồi;

b) Không được sử dụng xe ô tô để hoạt động vận tải nội bộ trong thời gian xe ô tô bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng hoặc bị thu hồi phù hiệu.

11. Dữ liệu trích xuất từ thiết bị giám sát hành trình của xe chỉ sử dụng 01 lần để xác định lỗi vi phạm. Dữ liệu được trích xuất từ hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

12. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về mẫu phù hiệu và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Bộ Giao thông vận tải**

1. Thống nhất quản lý hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này.

2. Quy định và hướng dẫn về:

a) Phần mềm quản lý hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô (bao gồm cả quản lý phương tiện và người lái xe) và dịch vụ công trực tuyến;

b) Cung cấp, quản lý và sử dụng thông tin của Giấy vận tải;

c) Cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;

d) Niêm yết các thông tin trên xe ô tô vận tải nội bộ.

3. Chỉ đạo các cơ quan chức năng

a) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về hoạt động vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng của các bộ, ngành, địa phương để trao đổi, cung cấp thông tin về hoạt động vận tải nội bộ để phục vụ công tác quản lý chuyên ngành.

4. Kết nối, chia sẻ dữ liệu về quản lý hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô và dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình xe với Bộ Công an (Cục Cảnh sát giao thông), Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) để phối hợp quản lý.

**Điều 12. Bộ Công an**

1. Kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin về xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải bằng xe ô tô, thông tin về đăng ký phương tiện cho Bộ Giao thông vận tải để phối hợp quản lý.

**Điều 13. Bộ Y tế**

Quy định và hướng dẫn về tiêu chuẩn sức khỏe và cơ sở y tế khám sức khỏe của người điều khiển xe ô tô hoạt động vận tải.

**Điều 14. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô theo quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật liên quan khác trên địa bàn địa phương.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021.

2.Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách Xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, CN (2) | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |